

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 11- 2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tú Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Bé**
2. Ông **Thạch Khêm**

Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Thi**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Màu**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 372/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05/9/2019, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 15/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2019/QĐ- HNGĐ, ngày 30/10/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1991, có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp B, xã X, huyện L, tỉnh Đ;

Tạm trú: 12/93, ấp 7, xã X, huyện M, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Anh **Đào Minh K**, sinh năm 1989, vắng mặt không có lý do; Cư trú tại: Khóm 4, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/8/2019, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Vào ngày 29/7/2013, chị có xác lập quan hệ hôn nhân với anh Đào Minh K và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung tên Đào Nguyễn Gia L, sinh ngày 08/12/2013. Hiện con chung đang sống chung với anh K.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do anh Đào Minh K ngoại tình không nghe lời chị khuyên nên xảy ra nhiều chuyện bất đồng trong cuộc sống. Chị M và anh K đã sống ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay. Đời sống hôn nhân của chị M và anh K không thể hàn gắn.

Nay chị Nguyễn Thị M yêu cầu được ly hôn với anh Đào Minh K. Về con chung: Đào Nguyễn Gia L, sinh ngày 08/12/2013, chị M đồng ý cho anh K được tiếp tục nuôi dưỡng và chị M đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết. Chị Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân (Bản phô tô); 01 (Một) sổ hộ khẩu (Bản phô tô); 01 (Một) giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển số: 01 do Ủy ban nhân dân thị trấn C cấp ngày 29/7/2013; 01 (Một) bản sao giấy khai sinh của cháu Đào Nguyễn Gia L.

Đối với bị đơn anh Đào Minh K: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc yêu cầu cung cấp chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập họp lệ cho anh Đào Minh K nhưng anh Đào Minh K không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh K được, anh K cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn theo thông báo mà Tòa án đã tổng đạt nên không thể xác định những tình tiết nào của vụ án các bên thống nhất và không thống nhất. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn anh Đào Minh K chưa chấp hành đúng theo quy định về việc có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và anh Đào Minh K đã có mâu thuẫn trầm trọng, hai vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị M được ly hôn với anh K; Về con chung: Chị M đồng ý cho anh K được tiếp tục nuôi con chung Đào Nguyễn Gia L, sinh ngày 08/12/2013 và chị M đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của chị M; Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết; Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Vị đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”. Bị đơn anh Đào Minh K cư trú tại khóm 4, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đúng theo quy định; Bị đơn anh Đào Minh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt chị M, anh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Đào Minh K kết hôn với nhau vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật. Xét thấy hôn nhân của chị M, anh K là hợp pháp, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Tuy nhiên trong thời gian sống chung vợ chồng chị có những mâu thuẫn không thể điều hoà được dẫn đến việc chị M xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M xác định giữa chị và anh K không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau. Chị M và anh K đã sống ly thân gần 01 năm nay, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau và ai muốn sống ra sao thì sống. Trong khoảng thời gian sống ly thân cũng không ai tìm đến ai, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh K đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Đào Minh K.

[3] Về con chung: Đào Nguyễn Gia L, sinh ngày 08/12/2013, trong thời gian sống ly thân, anh K là người trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M đồng ý cho anh K được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng bằng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị M phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của chị M.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị M khai chị và anh Đào Minh K không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Do Tòa án không thể làm việc trực tiếp với anh Đào Minh K để biết ý kiến của anh Đào Minh K như thế nào về tài sản chung và anh Đào Minh K có tranh chấp về tài sản chung với chị M hay không. Vì vậy, nếu sau khi ly hôn anh Đào Minh K có tranh chấp về tài sản với chị M thì anh Đào Minh K được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M; Cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Đào Minh K.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị M đồng ý cho anh Đào Minh K được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đào Nguyễn Gia L, sinh ngày 08/12/2013. Chị Nguyễn Thị M đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 15/11/2019.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị M khai không có nên không xem xét, giải quyết. Nếu sau khi ly hôn anh Đào Minh K có tranh chấp về tài sản chung thì anh Đào Minh K được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Trong đó án phí hôn nhân 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng 300.000 đồng) nhưng được cân trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004596, ngày 03/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Chị Nguyễn Thị M còn phải nộp tiếp 300.000 đồng. Anh Đào Minh K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị M và anh Đào Minh K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản

án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tú Trinh